

Số: /BVNL-VTTBYTCNTT
V/v Thông báo mời tham gia báo giá
thiết bị y tế mua sắm tại Bệnh viện
đa khoa huyện Nghi Lộc

Nghi Lộc, ngày tháng 04 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng VTTBYT-CNTT - Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc.
 - Số điện thoại: 0238.3861.643/0979.371.740.
 - Email: bvnlyphongvttbyt@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc, địa chỉ: xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
 - Nhận qua email: bvnlyphongvttbyt@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17h ngày 12 tháng 04 năm 2024 đến trước 17h ngày 22 tháng 04 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 17h ngày 22 tháng 04 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế:

(Bảng mô tả chi tiết danh mục thiết bị tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).
- Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Địa điểm cung cấp: Các khoa phòng được phân bổ thiết bị mua sắm, Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc.

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản: Hàng hóa được cung cấp đảm bảo đầy đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và đúng yêu cầu, phù hợp với kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5. Yêu cầu chung đối với thiết bị.

a) Yêu cầu chung:

- Thiết bị sản xuất năm 2023 trở về sau.
- Chất lượng mới 100%.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (có bao gồm tiếng Việt): 01 bộ.

b) Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng.

- Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất.

- Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng.

- Có cam kết thiết bị thực hiện được các phương pháp thử đúng quy định của yêu cầu chuyên môn và hướng dẫn ứng dụng cho bệnh viện.

- Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 10 năm kể từ ngày bàn giao.

- Tất cả các hệ thống phần mềm xử lý, phân tích tín hiệu và các thư viện, cơ sở dữ liệu phải có bản quyền sử dụng vĩnh viễn (nếu có).

- Có cam kết chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng khi có yêu cầu.

6. Hồ sơ bao gồm:

- Báo giá theo mẫu Phụ lục 3 đính kèm thông báo này.

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan và hợp đồng cung cấp trang thiết bị chào giá (cho các đơn vị nhà nước) trong vòng 120 ngày (nếu có).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa/phòng;
- Tổ truyền thông (Website);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Phúc

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Tên thiết bị y tế	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bơm tiêm điện	Cái	02	Cấu hình cơ bản tại phụ lục 2
2	Máy điện xung	Cái	01	
3	Giàn tập phục hồi chức năng	Cái	01	
4	Dao mổ điện cao tần	Cái	01	
5	Tủ âm CO2	Cái	01	
6	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	01	
7	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	
8	Máy theo dõi bệnh nhân sản khoa	Cái	01	
9	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	06	
	Tổng cộng: 09 khoản			

PHỤ LỤC 2. CẤU HÌNH CƠ BẢN CỦA HÀNG HÓA MUA SẮM

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
1	Bơm tiêm điện	<p>Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 1 cái - Dây nguồn: 1 cái - Kẹp cốc truyền: 1 cái <p>Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị được sử dụng trong các cơ sở y tế: hồi sức cấp cứu, phòng mổ, các khoa chăm sóc đặc biệt, khoa sơ sinh, khoa điều trị tim mạch và nhiều phòng khoa khác. - Dùng để tiêm một lượng thuốc rất nhỏ vào cơ thể bệnh nhân với độ chính xác cao. - Màn hình màu LCD $\geq 4,3$ inch, hiển thị rõ ràng các thông số. - Hiển thị dung lượng ắc quy (Pin). - Có hai nguồn điện cung cấp: nguồn điện lưới AC và ắc quy (pin) bên trong máy. - Nguồn điện DC: Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục ≥ 12 giờ khi mất điện. - Có thể sử dụng các loại bơm tiêm: 5 mL, 10 mL, 20 mL, 30 mL, 50/60 mL,... - Dải cài đặt tốc độ tiêm: từ $\leq 0,01$mL đến ≥ 1.200 mL/ giờ tùy thuộc cỡ bơm tiêm. - Thể tích dịch truyền (VTBI): từ $\leq 0,1$mL đến ≥ 9.999 mL, bước đặt nhỏ nhất $\leq 0,1$ mL. - Có chức năng tiêm nhanh (Bolus): tốc độ tiêm nhanh tùy theo cỡ bơm tiêm 5 mL, 10 mL, 20 mL, 30 mL, 50/60 mL,... - Độ chính xác máy: $\leq \pm 2\%$ - Có các chế độ báo động, báo lỗi. Có đèn hoạt động báo sáng giúp dễ dàng nhận biết tình trạng máy đang hoạt động, ngừng hoạt động, các cảnh báo hay đang ở chế độ chờ.
2	Máy điện xung	<p>Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc - Cáp điện xung: 02 cái - Đai quấn điện cực: 02 cái - Điện cực cao su carbon: 04 cái - Điện cực xốp: 04 cái - Dây nguồn: 01 cái

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
		<p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy điện xung trị liệu. - Sử dụng để thư giãn cơ, tăng lưu thông máu cục bộ, rèn luyện nhóm cơ, điều trị/ duy trì khả năng vận động. Dòng điện xung có tác dụng giảm đau, kích thích thần kinh tạo nên sự co cơ, điện phân thuốc. - Màn hình màu cảm ứng, ≥ 7 inch. - Có khả năng cài đặt giao thức lâm sàng. - Có ≥ 6 dạng sóng lâm sàng. - Tối thiểu có các dạng sóng: giao thoa, TENS, Galvanic (điện phân thuốc). - Có khả năng nâng cấp các mô-đun: điện cực chân không. - Có thể điều chỉnh thời gian điều trị.
3	Giàn tập phục hồi chức năng	<p>Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giàn tập chính: 1 cái - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 1 bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị tập phục hồi chức năng kết hợp đa chức năng bao gồm: + Giàn tập chính kèm các chi tiết • Bộ ghế tập cơ tứ đầu đùi • Bộ tập sấp ngửa bàn tay • Bộ tập quay khớp cổ tay • Bộ tập cho ngón tay • Bộ tập tay quay cánh tay • Bộ tập khớp bả vai - Kích thước: Chiều dài ≥ 700mm, chiều rộng ≥ 1000mm, chiều cao ≤ 2230mm

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
4	Dao mổ điện cao tần	<p>Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn: 1 cái - Xe để máy: 1 cái - Tay dao đơn cực: 2 bộ - Kẹp lưỡng cực kèm cáp: 1 bộ - Bàn đạp: 1 bộ - Bàn cực trung tính kim loại: 2 bộ - Bàn cực trung tính dán: 10 tấm - Dây nối tiếp đất: 10 mét <p>Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số: Từ ≤ 300 đến ≥ 550 kHz - Các chế độ làm việc và công suất: <p>Chế độ đơn cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bao gồm chế độ cắt và cầm máu + Công suất cắt đơn cực tối đa: ≥ 300 W <p>Chế độ lưỡng cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có chế độ cầm máu + Công suất tối đa: ≥ 120 W <ul style="list-style-type: none"> - Số chế độ cắt: ≥ 3 chế độ. - Điều khiển: Kỹ thuật số. - Hệ thống báo động thiếu bàn cực trung tính bằng còi báo và hiển thị. - Báo công suất ra dao bằng âm thanh và đèn.
5	Tủ ấm CO2	<p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Số khay cung cấp: 2 cái - Số khay tối đa: 6 cái <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích: ≥ 100 lít. - Độ chính xác cài đặt: ≤ 0.1 độ C

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng 2 đầu dò nhiệt độ Pt100 theo tiêu chuẩn DIN Class A hoặc tương đương để hiển thị nhiệt độ hoạt động và cảnh báo. - Độ thay đổi nhiệt theo thời gian: $\pm \leq 0.1^{\circ}\text{C}$ - Độ thay đổi nhiệt trong buồng tại 37°C: $\pm \leq 0.3^{\circ}\text{C}$ - Giới hạn độ ẩm nhờ vào thành phần Peltier, khi khay nước đầy được để vào, thành phần Peltier giới hạn giá trị độ ẩm bên trong ở mức $93\% \text{ rh} \pm \leq 2.5\%$ - Cài đặt khoảng độ ẩm: ≤ 40 đến $\geq 97\% \text{ rh}$ và tắt độ ẩm - Độ chính xác cài đặt: $\leq 0.5\% \text{ rh}$. - Kiểm soát CO2 bằng điện tử hiện số với hệ thống đầu dò kép cận hồng ngoại cùng với hệ thống tự động chẩn đoán lỗi và chỉ thị báo lỗi bằng âm thanh, bù trừ áp suất - Khoảng điều chỉnh CO2: 0 đến $\geq 20\%$ - Độ dao động theo thời gian: $\pm \leq 0.2\%$ - Độ chính xác cài đặt: $\leq 0.1\%$ - Bảng điều khiển: hai màn hình hiển thị. Bộ điều khiển vi xử lý PID đa chức năng với hai màn hình màu TFT. - Kết nối: Ethernet LAN, USB. - Chương trình được lưu trữ trong trường hợp mất điện. - Có cài đặt chương trình, quản lý và chuyển các thông số qua giao diện Ethernet hoặc cổng USB - Tích hợp thêm bộ kiểm soát quá và dưới nhiệt độ. Có báo động trong trường hợp quá và dưới nhiệt. Chức năng gia nhiệt được ngắt trong trường hợp quá nhiệt. Chức năng làm lạnh tự động ngắt trong trường hợp dưới nhiệt độ cài đặt. - Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh. - Hệ thống gia nhiệt đa chức năng trên bốn mặt có thêm gia nhiệt ở cửa và mặt sau để tránh ngưng tụ. - Cấu trúc lớp vỏ bằng thép không gỉ. - Cửa cấu tạo bằng thép không gỉ được cách ly hoàn toàn với 2 điểm khóa cửa. - Cửa kính bên trong với lỗ mở (đường kính $\text{Ø} 8\text{mm}$) để lấy mẫu khí - Bên trong vật liệu bằng thép không gỉ ASTM 304 hoặc tương đương, chống ăn mòn - Bộ đếm ngược cho thời gian cài đặt có thể điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 99 ngày. - Chức năng cân bằng nhiệt dùng để điều chỉnh mức gia nhiệt sao cho cân bằng giữa mặt trên và dưới

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
		<p>buồng sấy trong một dải điều chỉnh từ $\leq -50\%$ đến $\geq +50\%$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng điều khiển có cổng USB để tải chương trình, đọc các giá trị, kích hoạt chức năng cài đặt chỉ số cho người sử dụng - Hiển thị dữ liệu đã lưu trên bảng điều khiển (tối đa 10000 giá trị tương đương khoảng 1 tuần) - Giao diện Ethernet phía sau thiết bị để đọc dữ liệu ghi, tải các chương trình và ghi trực tuyến - Có chức năng bảo vệ quá nhiệt. - Độ ẩm: $\leq 70\%$ rh, không ngưng tụ
6	Máy xét nghiệm nước tiểu	<p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái + Que thử ≥ 11 thông số: 01 hộp + Giấy in nhiệt: 1 cuộn + Bộ nguồn: 01 bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: đo sáng phản xạ hoặc tương đương - Có thể nâng cấp phần mềm được - Có thể truy cập được với hệ thống thông tin phòng lab (LIS) - Công suất ≥ 720 xét nghiệm/giờ - Giao diện: RS232c hoặc tương đương - Bộ nhớ ≥ 2000 xét nghiệm - In kết quả: thông qua máy in nhiệt tích hợp - Nhập ID bằng bộ đọc mã vạch hoặc tương đương - Các chỉ số của que thử tối thiểu gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Glu (Glucose) + Pro (Protein) + pH + Bld (Blood) + Ket (Ketone)

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
		<ul style="list-style-type: none"> + Nit (Nitrite) + Bil (Bilirubin) + Uro (Urobilinogen) + SG (Specific Gravity) + Leu (Leukocyte) + AsA (Ascorbic Acid)
7	Nồi hấp tiệt trùng	<p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 máy. + 01 khay đựng mẫu bằng thép không gỉ. + 02 ống quan sát mức nước. <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích buồng tiệt trùng: ≥ 350 lít. - Buồng hấp được thiết kế theo tiêu chuẩn ASME standard - Cấu trúc vỏ, khung, cửa, jacket, buồng hấp được làm từ thép không gỉ 304. - Nhiệt độ hiển thị điện tử. - Áp suất buồng hấp hiển thị bằng đồng hồ cơ. - Chương trình hiển thị LED. - Đèn chỉ thị: nguồn, thêm nước, gia nhiệt, tiệt trùng, xả, sấy khô, xả chân không, hoàn tất. - Có chức năng hút chân không trước khi hấp và trước khi sấy. - Nhiệt độ cài đặt: ≤ 105 °C đến ≥ 136 °C - Chương trình hấp: đóng gói, không đóng gói, chất lỏng. - Thời gian tiệt trùng: 0 đến ≥ 60 phút. - Người sử dụng có thể cài đặt chu trình riêng. - Sấy khô tự động: 0 đến ≥ 60 phút. - Bơm nước tự động (yêu cầu nước cấp áp lực ≥ 2 bar). - Bảo vệ quá nhiệt, quá áp, kiểm soát mực nước, công tắc xả khẩn cấp, cửa đóng tự động, lọc khí khi xả chân không. - Có chức năng bấm dừng khẩn cấp.

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
8	Máy theo dõi bệnh nhân sản khoa	<p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 1 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn: + Đầu dò theo dõi tim thai: 02 cái + Đầu dò theo dõi cơn gò tử cung: 01 cái + Đai thắt cố định: 03 cái + Vạch đánh dấu chuyển động thai từ xa: 01 cái + Giấy in: 02 cuộn/tệp. + Gel siêu âm: 01 tuýp/lọ/cái. + Nguồn AC/DC: 01 cái + Dây nguồn: 01 cái. + Máy in: 01 cái. <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng theo dõi: + Nhịp tim thai + Chuyển động của thai nhi + Cơn gò tử cung - Màn hình hiển thị: Màn tinh thể lỏng LCD ≥ 4.7 inch. - Bộ phận ghi: + Dạng in nhiệt liên tục + Tốc độ in: 1,2,3 cm/phút. - Chức năng bảo vệ lỗi nguồn: Có - Dải nhiệt độ: <p>Nhiệt độ hoạt động: ≤ 10 đến ≥ 40 độC Nhiệt độ tích trữ: ≤ -10 đến ≥ 60 độC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhịp đập tim thai (FHR): + Tín hiệu đầu vào dải nhịp tim của thai nhi: Xung sóng siêu âm doppler + Tần số sóng siêu âm: ≥ 1.0Mhz + Công suất sóng siêu âm: <10mW/cm²

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
		<ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp dò tìm FHR: Tự động tương thích + Dải đo: ≤ 50 đến ≥ 210 nhịp cho mỗi phút (bpm) + Độ chính xác FHR: $\leq \pm 1$ bpm trên dải FHR bình thường. - Con co/con gò tử cung: Dải đo: 0 đến ≥ 99 đơn vị - Đo sự chuyển động của thai nhi: Xung sóng siêu âm doppler. - Lưu trữ dữ liệu: Lưu trữ được ≥ 12 giờ. - Máy in: Dạng in nhiệt. - Âm thanh: + Âm thanh doppler + Âm thanh báo động + Âm thanh thông tin
9	<p style="text-align: center;">Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số</p>	<p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: - Dây nguồn: 01 chiếc - Bộ đo ECG: 01 bộ - Bộ RESP: 01 bộ - Bộ đo SPO2: 01 bộ. - Bộ đo huyết áp không xâm nhập (NIBP): 01 bộ (Bộ cáp và bao huyết áp trẻ em: 01 chiếc, bao huyết áp người lớn: 01 chiếc). - Bộ đo nhiệt độ: 01 bộ. - Giấy in nhiệt: 1 cuộn (hoặc tập). - Pin dự phòng/ắc quy: 01 chiếc. <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản: ECG (điện tim), RESP (nhịp thở), SpO2/mạch, NIBP (huyết áp không xâm lấn), TEMP (nhiệt độ). - Màn hình màu ≥ 12 inch, tinh thể lỏng, loại cảm ứng. - Có chức năng phát hiện loạn nhịp, phân tích chứng loạn nhịp tim ST - ECG (điện tim): <p>+ Số đạo trình: ≥ 3 đạo trình.</p>

TT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
		<ul style="list-style-type: none"> - RESP (nhịp thở): + Phương pháp đo: trở kháng sinh học phổi + Dải đo: 0 đến ≥ 150 nhịp/phút - Pulse Rate (nhịp tim): + Dải đo: ≤ 30 đến ≥ 200 bpm + Phương pháp đo: trung bình chuyển động. - TEMP (nhiệt độ): + Dải đo: $\leq 5^{\circ}\text{C}$ - $\geq 50^{\circ}\text{C}$. - NIBP (huyết áp không xâm lấn): + Phương pháp đo: Dao động kế tự động + Dải áp suất cổ tay: 0 đến ≥ 280 mmHg - SpO2 (Nồng độ oxy hòa tan): + Dải đo: từ 0 đến $\geq 100\%$ + Có âm thanh báo hiệu với âm sắc thay đổi theo sự thay đổi của trị số đo SpO2 - Hiện thị + Hiện thị sóng: nhịp tim, nhịp thở, sóng xung SpO2, + Hiện thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ, ... - Chức năng báo động + Các mức báo động: có 3 mức: khẩn cấp, cảnh báo và thông báo + Các mục báo động: tín hiệu sóng, loạn nhịp + Mục báo động tín hiệu sóng: nhịp tim, nhịp xung, ST, nhịp thở, ngừng thở, nhiệt độ, SpO2, NIBP,... + Chỉ thị báo động: Đèn chỉ thị, âm thanh báo động và đánh dấu tin nhắn - Máy in + Phương pháp in: ma trận nhiệt + Chế độ ghi: bằng tay, chu kỳ, báo động
	Tổng: 09 khoản	

PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	A									
2	B									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.